

Bản án số: 14/2018/HNGĐ- ST

Ngày: 06/4/2018

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIẾN XƯƠNG - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Mai Xuân Trường

Bà Nguyễn Thị Như Trang

- Thký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Trang - Thký Toà án nhân dân huyện Kiến Xương.

- Đại diện VKSND huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thìn- Kiểm sát viên.

Ngày 06/4/2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kiến Xương, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 220/2017/TLST-HNGĐ ngày 26/12/2017 về việc “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 05 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2018/QĐST- HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Trần Văn Th**, sinh năm 1954

2. *Bị đơn:* Bà **Phạm Thị C**, sinh năm 1950

Đều ở địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện X, tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 19/12/2017, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Trần Văn Th trình bày: ông và bà Phạm Thị C kết hôn với nhau vào năm 1976, sau khi kết hôn ông bà chung sống hạnh phúc đến năm 1984 phát sinh mâu

thuần, nguyên nhân do bà C đối xử với ông và gia đình ông không tốt, không chung thủy, trong thời gian ông làm việc tại TP Hải Phòng, bà C đã ra gây sự để hạ thấp uy tín của ông dẫn đến ông phải chuyển công tác. Ông và bà C sống ly thân từ đó, không quan tâm đến nhau, nhưng ông vẫn có trách nhiệm với các con. Xác định mâu thuẫn đã quá trầm trọng, vợ chồng không quay trở về đoàn tụ với nhau được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn.

Về con chung: ông và bà C có hai con chung tên Trần Văn Th1, sinh năm 1978 và Trần Thị Vsinh năm 1980, cả hai con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09/02/2018, bà Phạm Thị C trình bày: bà và ông Thsau khi kết hôn chung sống hạnh phúc đến năm 1982 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Thcó quan hệ với người phụ nữ khác, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Ông Thxin ly hôn bà không nhất trí vì hiện nay cả hai đều đã nhiều tuổi, giả sử Tòa án bác đơn xin ly hôn của ông Thnhưng ông không về sống với bà bà cũng chấp nhận, bà chỉ mong muốn ông Thchăm lo cho con cháu.

Về con chung: bà và ông Thcó hai con chung đúng như ông Thkhai, cả hai con đều đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ chung không có.

Kết quả xác minh tại UBND xã M, huyện X vào ngày 22/01/2018 thể hiện: ông Thvà bà C sau khi kết hôn chung sống không được hạnh phúc, nguyên nhân do tính tình không hợp, bà C đối xử với ông Thvà gia đình ông Thkhông tốt. Thời gian ông Thcòn công tác tại TP Hải Phòng, khi về quê ông ở nhà bố mẹ mà không ở cùng bà C, vẫn có trách nhiệm lo cho các con; hai năm gần đây ông Thđược nghỉ chế độ nhưng cũng không chung sống với bà C. Ông bà sống ly thân quá lâu, mâu thuẫn trầm trọng, hai bên không còn tình cảm nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ông Thđược ly hôn theo nguyện vọng.

Về con chung: ông bà có hai con chung như các đương sự khai, hiện nay đã có cuộc sống riêng.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kiến Xương phát biểu quan điểm:

Thẩm phán, HĐXX và Thký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ quy định tại các Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự

Về nội dung vụ án: Đề nghị áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho ông Trần Văn Th được ly hôn bà Phạm Thị C, về con chung đều đã trưởng thành nên không giải quyết, về tài sản chung các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục tố tụng:

[1] Ông Trần Văn Th khởi kiện xin ly hôn bà Phạm Thị C có hộ khẩu thường trú tại xã M, huyện X nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Kiến Xương là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân huyện Kiến Xương tham gia phiên tòa là đúng với quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Bà Phạm Thị C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

- Về nội dung vụ án:

[4] Về quan hệ hôn nhân: ông Trần Văn Th và bà Phạm Thị C tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M vào năm 1976 - là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Ông bà chung sống đến năm 1984 phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp, bà C đối xử với ông Th và gia đình ông

Thkhông tốt, ông bà đều thừa nhận sống ly thân từ đó, hai bên không còn quan tâm đến nhau. Ông Thxin ly hôn, bà C không nhất trí, nhưng không đưa ra được giải pháp để vợ chồng về đoàn tụ, không tham gia phiên tòa để bảo vệ quan điểm của mình, mặt khác các chứng cứ đã thu thập được cho thấy giữa ông bà không còn tình cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của ông Th, ý kiến của Kiểm sát viên xử cho ông được ly hôn bà Phạm Thị C là đúng với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: ông Th và bà C có hai con chung đều đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống nên không đặt ra giải quyết.

[6] Về tài sản chung: các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về án phí: ông Trần Văn Th phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.
- Áp dụng khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. **Về quan hệ hôn nhân:** Xử cho ông Trần Văn Th được ly hôn bà Phạm Thị C.

2. **Về con chung:** Ông Th và bà C có hai con chung Trần Văn Th1, sinh năm 1978 và Trần Thị V sinh năm 1980 đều đã trưởng thành, tự lo được cuộc sống nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. **Về tài sản chung:** các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. **Về án phí:** ông Trần Văn Th phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) ông Th đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000887 ngày 26/12/ 2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Kiến Xương thành án phí.

Ông Trần Văn Th có mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 06/4/2018, bà Phạm Thị C vắng mặt tại phiên tòa được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kiến Xương;
- Chi cục THADS huyện Kiến Xương;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu: hồ sơ, vp.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ